

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST  
Ngày 06-01-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Hà Thị Nga

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 730/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 789/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP QĐ (NCB), địa chỉ: Số 28C-28D B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

***Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:*** Ông Dương Đình Chung – Chuyên viên xử lý nợ (theo Giấy uỷ quyền số 231/2022/UQ-NCB ngày 16/6/2022); có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P; cùng ĐKKHKT: Số 12/108 N, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 11E/360 M, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; ông T có mặt, bà P vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng trình bày:

Ngân hàng TMCP QĐ và ông Nguyễn Đức T, bà Trần Thị P đã ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 1192/17/HĐCV-TGTTC ngày 10/11/2017. Số tiền cho vay: 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng); thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; P thức giải ngân: Từng lần; lãi suất vay: Lãi suất cố định 14%/năm. Ngày 10/11/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P số tiền 80.000.000 đ theo Hợp đồng nêu trên. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 81.362.275 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 63.327.000 đồng, nợ lãi đã trả là 18.035.275 đồng và không tiếp tục thực hiện trả nợ theo cam kết, khoản vay quá hạn từ tháng 11 năm 2019. Tính đến ngày 06/01/2023 ông T bà P còn nợ Ngân hàng số tiền là 34.946.071 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 16.673.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 4.731.487 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 11.929.461 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 1.612.123 đồng.

2. Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 1292/2017/HĐCV-9349 ngày 01/12/2017. Hợp đồng đã tất toán.

3. Hợp đồng cho vay số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018. Số tiền cho vay: 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động theo món; P thức giải ngân: Từng lần; lãi suất vay: Lãi suất kỳ đầu tiên là lãi suất vay kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 24/12/2018 là 10,5%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo là lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo công thức  $LSV = \text{Lãi suất cơ sở} + \text{biên độ } 3,0\%/năm$ , lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Ngày 24/9/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P số tiền trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.604.015 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 61 đồng, nợ lãi đã trả là 25.603.954 đồng và không tiếp tục thực hiện trả nợ theo cam kết, khoản vay quá hạn từ tháng 6 năm 2019. Tính đến ngày 06/01/2023 ông T bà P còn nợ Ngân hàng số tiền là 556.657.494 đồng bao gồm:

- Nợ gốc: 349.999.939 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 2.846.121 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 202.836.951 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 974.483 đồng

\* Tài sản thế chấp cho khoản vay theo hợp đồng số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 trên là 01 xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI, loại TUCSON, BKS: 15A-125.52, màu sơn đen, số khung: KMHJU81EBEU851020, số máy: G4NADU238709, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017385 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 11/3/2014 (đăng ký lần đầu ngày 11/3/2014) cho chủ xe là ông Nguyễn Đức T. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp ô tô, P tiện vận tải khác số 632/17/HĐTC-9349 ngày 01/12/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 01/12/2017 theo quy định.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu trả nợ, bàn giao tài sản bảo đảm theo đúng quy định nhưng ông T bà P không thực hiện theo yêu cầu.

Ngân hàng TMCP QĐ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 06/01/2023 là: 591.603.565 đồng, trong đó:

1. Khoản vay của HĐTD số 1192/17/HĐCV-TGTTC ngày 10/11/2017: 34.946.071 đồng, cụ thể như trên.
2. Khoản vay của HĐTD số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 là: 556.657.494 đồng, cụ thể như trên.

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/01/2023 đến ngày ông T bà P thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng với lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông T bà P không thực hiện được nghĩa vụ nêu trên thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

01 xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI, loại TUCSON, BKS: 15A-125.52, màu sơn đen, số khung: KMHJU81EBEU851020, số máy: G4NADU238709, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017385 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 11/3/2014 (đăng ký lần đầu ngày 11/3/2014) cho chủ xe là ông Nguyễn Đức T.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xác minh điều kiện trả nợ và yêu cầu ông T bà P tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Đức T và tại phiên toà, ông T xác nhận vợ chồng ông T bà P có ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng và xác nhận số nợ tính đến ngày 06/01/2023 như Ngân hàng đã trình bày. Hiện tại ông T đang quản lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên, do chiếc xe là nguồn thu nhập chính của gia đình nên ông không đồng ý phát mại tài sản. Ông T bà P muốn xin ngân hàng toàn bộ số tiền lãi, ông bà sẽ trả nợ gốc cho ngân hàng và giải chấp tài sản thế chấp.

\* Quá trình giải quyết, bị đơn là ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn đã nhận được các văn bản Tòa án gửi, tuy nhiên chỉ có ông Nguyễn Đức T đến Tòa án làm việc vào ngày 30/8/2022, các buổi làm việc còn lại ông T và bà P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không T hành hòa giải được.

Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông T đã thông báo lại cho bà P, bà P biết nội dung ngân hàng khởi kiện và các giấy mời làm việc nhưng do bận công việc nên bà không thể đến Tòa án. Ông T cho biết quan điểm của bà P về việc yêu cầu khởi kiện của ngân hàng cũng giống với quan điểm của ông T như nêu trên.

Toà án yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ nơi đang để xe ô tô hoặc đưa xe ô tô đến trụ sở Tòa án để toà án T hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông T không hợp tác và không cung cấp. Vì vậy Tòa án không T hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo được. Ông T khẳng định hiện tại ông vẫn đang quản lý chiếc xe.

Toà án đã xác minh tại Phòng CSGT đường bộ, đường sắt và Cục Đăng kiểm Việt nam được cung cấp như sau: Chủ xe Nguyễn Đức T; trạng thái xe: Đang lưu hành; xe chưa thực hiện chuyển nhượng trên hệ thống đăng ký xe; lần đăng kiểm gần nhất là ngày 03/6/2022, người đi đăng kiểm là ông Nguyễn Đức T.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Xét 2 Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP QĐ với tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 06/01/2023 là: 591.603.565 đồng, trong đó:

1. Khoản vay của HĐTD số 1192/17/HĐCV-TGTTC ngày 10/11/2017: 34.946.071 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 16.673.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 4.731.487 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 11.929.461 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 1.612.123 đồng

2. Khoản vay của HĐTD số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018: 556.657.494 đồng bao gồm:

- Nợ gốc: 349.999.939 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 2.846.121 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 202.836.951 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 974.483 đồng

Và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/01/2023 đến ngày ông T bà P thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng với lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông T bà P không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

01 xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI, loại TUCSON, BKS: 15A-125.52, màu sơn đen, số khung: KMHJU81EBEU851020, số máy: G4NADU238709, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017385 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 11/3/2014 (đăng ký lần đầu ngày 11/3/2014) cho chủ xe là ông Nguyễn Đức T.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xác minh điều kiện trả nợ và yêu cầu ông T bà P tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Ngân hàng TMCP QĐ có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P trả nợ gốc và lãi còn lại theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với mục đích bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P có địa chỉ tại số 12/108 Nguyễn Văn Linh, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật:

[3] Việc ký kết các hợp đồng tín dụng 1192/17/HĐCV-TGTTC ngày 10/11/2017 và HĐTD số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP QĐ với ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P được xác lập thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Về nội dung:

[4] Hợp đồng tín dụng số 1192/17/HĐCV-TGTTC ngày 10/11/2017 và Hợp đồng tín dụng số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 giữa Ngân hàng TMCP QĐ với ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P do hai bên tự nguyện, đúng thẩm quyền ký kết và các điều khoản trong hợp đồng đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ của mình, giải ngân cho ông T bà P vay đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng. Ông T bà P đã nhận đủ số tiền nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy ông T bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện buộc ông T bà P trả nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ và đúng quy định theo các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/01/2023 bị đơn còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng là: 591.603.565 đồng, trong đó:

1. Khoản vay của HĐTD số 1192/17/HĐCV-TGTTC ngày 10/11/2017: 34.946.071 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 16.673.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 4.731.487 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 11.929.461 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 1.612.123 đồng.

2. Khoản vay của HĐTD số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 là: 556.657.494 đồng bao gồm:

- Nợ gốc: 349.999.939 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 2.846.121 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 202.836.951 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 974.483 đồng

[6] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng: Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI, loại TUCSON, BKS: 15A-125.52, màu sơn đen, số khung: KMHJU81EBEU851020, số máy: G4NADU238709, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017385 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 11/3/2014 (đăng ký lần đầu ngày 11/3/2014) cho chủ xe là ông Nguyễn Đức T. Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp 3 lần vào các ngày 11/8/2022; 30/8/2022; 20/9/2022, ông T đã nhận được quyết định nhưng không đưa xe đến để Tòa án xem xét thẩm định. Sau khi làm công văn yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ gửi Sở Giao thông vận tải thành phố, Phòng kiểm định xe cơ giới Cục đăng kiểm Việt Nam, Phòng cảnh sát giao thông đường bộ đường sắt Công an thành phố Hải Phòng, được trả lời với nội dung: Chủ xe Nguyễn Đức T, trạng thái xe: đang lưu hành; xe chưa thực hiện chuyển nhượng trên hệ thống đăng ký xe; lần đăng kiểm gần nhất là ngày 03/6/2022, người đi đăng kiểm là ông Nguyễn Đức T.

Xét tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Đức T, do ông T đang quản lý, sử dụng. Khi ký Hợp đồng thế chấp, các bên tự nguyện, không ai bị ép buộc, Hợp đồng thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm và được công chứng chứng thực phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Các bên thống nhất tài sản thế chấp sẽ do bên thế chấp là ông Nguyễn Đức T tiếp tục quản lý, sử dụng, khai thác; bên nhận thế chấp là Ngân hàng được quản lý bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe. Căn cứ quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, ông T bà P không thanh toán trả nợ tiền gốc và lãi đúng kỳ hạn cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Các bên thỏa thuận tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các văn kiện tín dụng ký giữa bên Ngân hàng và Bên thế chấp trong suốt khoảng thời gian 20 năm kể từ ngày 01/12/2017. Do đó nếu ông T bà P không thanh toán nợ đến hạn đối với Hợp đồng số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp như thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản, phù hợp với quy định tại các Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp.

- Về án phí:

[7] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 280, 317, 318, 319, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QĐ Việt Nam (NCB) Buộc ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P phải trả cho Ngân hàng NCB tổng số nợ tính đến ngày 06/01/2023 là 591.603.565 đ (năm trăm chín mươi một triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng), bao gồm:

1.1. Khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1192/17/HĐCV-TGTTC ngày 10/11/2017 là: 34.946.071 đ (ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi một đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 16.673.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 4.731.487 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 11.929.461 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 1.612.123 đồng.

1.2. Khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 là: 556.657.494 đ (năm trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 349.999.939 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 2.846.121 đồng



- Nợ lãi quá hạn: 202.836.951 đồng
- Phạt chậm trả lãi: 974.483 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T bà P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P không thực hiện được nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 thì Ngân hàng NCB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại các tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng NCB, cụ thể:

01 xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI, loại TUCSON, BKS: 15A-125.52, màu sơn đen, số khung: KMHJU81EBEU851020, số máy: G4NADU238709, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017385 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 11/3/2014 (đăng ký lần đầu ngày 11/3/2014) cho chủ xe là ông Nguyễn Đức T (Theo hợp đồng thế chấp số 632/17/HĐTC-9349 ngày 01/12/2017) và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn, để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP QĐ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp mà còn thừa thì được trả lại cho bên thế chấp, còn nếu số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 933/18/HĐCV-9349 ngày 24/9/2018 thì ông T, bà P phải trả tiếp phần còn thiếu đó cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị P phải chịu 27.664.140 đ (hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn một trăm bốn mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP QĐ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005334 ngày 07/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ngân hàng TMCP QĐ, ông Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hà**

























